

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 8, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Phạm Hoàng Anh	1	01	8.0	Tám	
2	Trần Thanh Công	2	02	7.0	Bảy	
3	Lý Thị Kim Cúc	3	03	7.0	Bảy	
4	Đào Thị Cúc	4	04	7.5	Bảy rưỡi	
5	Hà Thị Kim Dung	5	05	6.5	Sáu rưỡi	
6	Nguyễn Phi Dũng	6	06	7.5	Bảy rưỡi	
7	Đặng Thị Duyên	7	07	7.5	Bảy rưỡi	
8	Đoàn Xuân Đăng	8	08	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thị Thu Hà	9	09	7.0	Bảy	
10	Dương Thị Hải Hà	10	10	7.5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Thị Hà	11	11	8.0	Tám	
12	Nguyễn Thị Hà	12	12	7.5	Bảy rưỡi	
13	Vũ Thị Thu Hằng	13	18	7.0	Bảy	
14	Đoàn Thị Hằng	14	17	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Thị Lệ Hằng	15	16	8.0	Tám	
16	Hoàng Thị Hiền	16	15	7.5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Bá Hợi	17	14	8.0	Tám	
18	Nguyễn Thị Huê	18	13	8.0	Tám	
19	Nguyễn Thị Huệ	19	19	8.0	Tám	
20	Nguyễn Quốc Hưng	20	20	6.5	Sáu rưỡi	
21	Mai Thanh Hương	21	21	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thị Thu Hương	22	22	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hương	23	23	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Thư Hương	24	24	7.0	Bảy	
25	Hoàng Thị Thanh Hương	25	25	8.0	Tám	
26	Nguyễn Văn Huyền	26	26	7.0	Bảy	
27	Trần Thị Huyền	27	27	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Hương Lan	28	28	8.0	Tám	
29	Mông Chí Len	29	29	7.5	Bảy rưỡi	
30	Mạc Thùy Liên	30	30	7.0	Bảy	
31	Hoàng Thị Mai	31	32	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Mai	32	33	8.0	Tám	
33	Hoàng Thị Phương Mai	33	34	8.0	Tám	
34	Đỗ Thị Mai	34	35	8.0	Tám	
35	Khổng Văn Mạnh	35	36	7.5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Ngọc Minh	36	38	8.0	Tám	
37	Hoàng Thị Minh	37	39	8.0	Tám	
38	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	38	40	8.0	Tám	
39	Nguyễn Thị Kim Ngân	39	41	8.0	Tám	
40	Hoàng Thị Tuyết Nhung	40	42	7.0	Bảy	
41	Phạm Thị Kim Oanh	41	37	8.0	Tám	
42	Phùng Thị Quyên	42	43	8.0	Tám	
43	Ma Tiên Quyền	43	44	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Như Quỳnh	44	45	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Văn Quỳnh	45	46	6.5	Sáu rưỡi	
46	Ma Thị Tế	46	47	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Trung Thành	47	48	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Thị Kim Thoa	48	49	7.5	Bảy rưỡi	
49	Ma Thị Thoa	49	50	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Thu	50	51	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Thanh Thủy	51	52	8.0	Tám	
52	Nguyễn Trung Tiến	52	53	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Trần Thanh Toàn	53	54	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Thị Huyền Trang	54	55	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị Thu Trang	55	56	8.0	Tám	
56	Dương Thị Thu Trang	56	57	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thị Truyền	57	58	7.5	Bảy rưỡi	
58	An Thị Thanh Tú	58	59	7.5	Bảy rưỡi	
59	Đào Thanh Tùng	59	60	8.0	Tám	
60	Hầu Thị Tuyết	60	61	7.0	Bảy	
61	Phạm Thị Vân	61	62	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Thị Vân	62	63	6.5	Sáu rưỡi	
63	Nguyễn Thị Bằng Vân	63	64	7.0	Bảy	
64	Lê Công Vĩ	64	65	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Anh Vũ	65	66	7.5	Bảy rưỡi	
66	Hoàng Thị Hải Yến	66	67	7.5	Bảy rưỡi	
67	Phạm Thị Hải Yến	67	68	7.0	Bảy	
68	Lê Thị Kim Thành	68	31	8.0	Tám	P.V.3-K47B

YÊN

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên